

Số:89 /2021/QĐST – HNGĐ.

Mỹ Hòa, ngày 06 tháng 7 năm 2021.

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 02/2021/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2021 về việc ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Lan H – Sinh năm: 1989

Địa chỉ: Tổ dân phố B, phường B, thị xã M, tỉnh H.

Bị đơn: Anh Phạm Văn N – Sinh năm: 1988

Địa chỉ: Tổ dân phố B, phường B, thị xã M, tỉnh H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:Cháu Phạm Quỳnh Ph - sinh ngày: 24/6/2017

Địa chỉ: Tổ dân phố B, phường B, thị xã M, tỉnh H.

Người đại diện theo pháp luật cho cháu Ph: Chị Đỗ Thị Lan H – Sinh năm: 1989

Địa chỉ: Tổ dân phố B, phường B, thị xã M, tỉnh H.

**Trợ giúp viên pháp lý** cho cháu Phạm Quỳnh Ph: Bà Nguyễn Thu Hiền – Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh H

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; khoản 3, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tổ tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55; Điều 57; Điều 73; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTWQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 6 năm 2021.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 6 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

**1/- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

Chị Đỗ Thị Lan H – Sinh năm: 1989

Địa chỉ: Tổ dân phố B, phường B, thị xã M, tỉnh H.

Anh Phạm Văn N – Sinh năm: 1988

Địa chỉ: Tổ dân phố B, phường B, thị xã M, tỉnh H.

**2/- Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Đỗ Thị Lan H và anh Phạm Văn N thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Anh chị xác nhận vợ chồng sinh được 01 con chung là cháu Phạm Quỳnh Ph - sinh ngày: 24/6/2017. Anh chị thỏa thuận giao cháu Ph cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu thành niên.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H và anh N thỏa thuận anh N cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Ph cho chị H là 3.000.000 đồng/01 tháng; thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 01/7/2021 cho đến khi cháu Ph thành niên. Việc cấp dưỡng được thực hiện hàng tháng.

Vì lợi ích của con chung, chị H, anh N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Anh N có quyền thăm và chăm sóc con chung; không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, chị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh N không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì phải chịu lãi suất tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- **Về tài sản, nợ, công sức, ruộng nông nghiệp:** Chị Đỗ Thị Lan H và anh Phạm Văn N tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Chị Đỗ Thị Lan H tự nguyện chịu 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng tiền án phí sơ thẩm ly hôn. Đối trừ số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu số 0004346 ngày 07/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Mỹ Hòa. Trả lại chị H số tiền 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn đồng). Chị H đã nộp xong án phí sơ thẩm ly hôn.

Anh Phạm Văn N phải chịu 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**3/-** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhân:**

- Đương sự.
- VKSND thị xã M
- Chi cục T.H.A DS thị xã M
- UBND phường B
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Thẩm phán**

**Trương Thế Dương**

